

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 920/2019/KDTM-PT

Ngày : 18/10/2019

V/v tranh chấp hợp đồng góp  
vốn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lưu Thị Đoan Trang

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Trinh

Bà Trương Thị Thảo

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Kim Hoàng

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:**

Bà Nguyễn Thị Mộng Linh - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2019/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng góp vốn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 641/2018/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4362/2019/QĐPT-KDTM ngày 20 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông L

Địa chỉ: 145 TL 845 (48881C), tổ 2 (14) ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông D

Địa chỉ: 14 K, phường P, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Đầu tư thương mại và dịch vụ T

Trụ sở: 63/4/12B đường số 9, khu phố 3, phường T, Quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà X

3. Người kháng cáo: Công ty TNHH Đầu tư thương mại và dịch vụ T

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Vào năm 2016, ông L và Công ty TNHH Đầu tư thương mại và dịch vụ T (sau đây gọi tắt là công ty T) ký ba hợp đồng thỏa thuận hợp tác kinh doanh và phân chia lợi nhuận từ các dự án bất động sản, hình thức hợp tác bằng tiền mặt tổng cộng là 91.000.000 đồng gồm: Hợp đồng số 247/2016/MT/HĐUĐBĐS/BĐS ngày 27/7/2016, số tiền 36.000.000 đồng; Hợp đồng số 186/2016/HĐUĐBĐS52/BĐS3 ngày 21/10/2016, số tiền 25.000.000 đồng; Hợp đồng số 7524/2016/HĐ01/PKD/HTKD ngày 21/10/2016, số tiền 30.000.000 đồng. Trong quá trình hợp tác phía công ty đã trả cho ông L được số tiền lãi là 6.714.759 đồng (từ ngày 01/4/2016 đến ngày 30/6/2016) và ngưng không thực hiện tiếp. Vì vậy, ông L khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết: Hủy bỏ các hợp đồng thỏa thuận hợp tác kinh doanh nêu trên và buộc công ty T phải có trách nhiệm trả lại cho ông L số tiền 91.000.000 đồng.

Bị đơn là Công ty T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án đã xét xử vắng mặt công ty T.

Bản án dân sự sơ thẩm số 641/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L. Hủy bỏ các Hợp đồng thỏa thuận hợp tác kinh doanh số 7524 ngày 21/10/2016, số 186 ngày 21/10/2016 và số 247 ngày 27/7/2016 giữa ông L và Công ty TNHH Đầu tư thương mại và dịch vụ T.

Buộc Công ty TNHH Đầu tư thương mại và dịch vụ T trả cho ông L số tiền 91.000.000 (Chín mươi một triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bên bị thi hành án chưa thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: án phí dân sự sơ thẩm 4.550.000 (Bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng buộc Công ty TNHH Đầu tư thương mại T chịu. Ông L được nhận lại tiền tạm ứng án phí 2.550.000 (Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng, theo biên lai số 0022231 ngày 19/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án còn quy định quyền kháng cáo của các đương sự, quyền thi hành án dân sự.

Ngày 28/12/2018 bị đơn là Công ty T kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo. Nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất thỏa thuận về việc giải quyết vụ án, chấm dứt các hợp đồng hợp tác kinh doanh và hoàn trả tiền góp vốn trong thời hạn 12 tháng.

Về án phí sơ thẩm: Ông L và Công ty T thỏa thuận mỗi bên chịu  $\frac{1}{2}$  án phí.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của pháp luật về xác định thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và thu thập chứng cứ trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn thống nhất thỏa thuận việc giải quyết toàn bộ vụ án, án phí cũng như phương thức thanh toán. Xét sự thỏa thuận của các đương sự không trái quy định của pháp luật, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tổ tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì giao dịch hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn đều có mục đích lợi nhuận, phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại. Bị đơn có địa chỉ đăng ký kinh doanh tại Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận Thủ Đức thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, tuy nhiên đây là tranh chấp kinh doanh thương mại nhưng Tòa án Quận Thủ Đức áp dụng khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự để xác định tranh chấp dân sự là không đúng. Điều khoản đúng cần áp dụng là khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự tranh chấp về kinh doanh, thương mại.

[2] Về nội dung:

Bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo, không yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xét lại thủ tục tố tụng của Tòa án nhân dân Quận Thủ Đức và thỏa thuận về việc chấm dứt hợp đồng đối với nguyên đơn. Nội dung thỏa thuận như sau: Ông L và Công ty T thống nhất thỏa thuận chấm dứt các hợp đồng hợp tác kinh doanh số 247/2016/MT/HĐUĐBĐS/BĐS ngày 27/7/2016, số 186/2016/HĐUĐBĐS52/BĐS3 ngày 21/10/2016, số 7524/2016/HĐ01/PKD/HTKD ngày 21/10/2016. Công ty T có trách nhiệm trả cho ông L số tiền 82.475.383 (Tám mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm tám mươi ba) đồng sau khi trừ số tiền 8.524.617 (Tám triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm mười bảy) đồng ông L đã nhận tính đến ngày 15/5/2019. Thời hạn trả là 12 tháng kể từ ngày 18/10/2019 đến hạn cuối 18/10/2020, mỗi tháng trả 6.872.950 (Sáu triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm năm mươi) đồng.

Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận, căn cứ theo quy định tại Điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của đương sự. Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí:

- Do nguyên đơn, bị đơn thỏa thuận lại số tiền phải thanh toán nên sửa án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 4.123.769 (Bốn triệu một trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi chín) đồng, hai bên thỏa thuận ông L chịu 2.061.885 (Hai triệu không trăm sáu mươi một nghìn tám trăm tám mươi lăm) đồng, Công ty T chịu 2.061.885 (Hai triệu không trăm sáu mươi một nghìn tám trăm tám mươi lăm) đồng, căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của công ty T được chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm nên Công ty T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, căn cứ theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 641/2018/KDTM-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng Điều 30, 38, 147, 148, khoản 2 Điều 244 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 422 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Ông L và Công ty TNHH Đầu tư thương mại và dịch vụ T thống nhất thỏa thuận chấm dứt các hợp đồng hợp tác kinh doanh:

- Hợp đồng số 247/2016/MT/HĐUĐBĐS/BĐS ngày 27/7/2016;
- Hợp đồng số 186/2016/HĐUĐBĐS52/BĐS3 ngày 21/10/2016;
- Hợp đồng số 7524/2016/HĐ01/PKD/HTKD ngày 21/10/2016.

[2] Công ty TNHH Đầu tư thương mại và dịch vụ T có trách nhiệm thanh toán cho ông L số tiền 82.475.383 (Tám mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm tám mươi ba) đồng trong thời hạn 12 tháng, bắt đầu từ 18/10/2019 đến hạn cuối là 18/10/2020, mỗi tháng trả 6.872.950 (Sáu triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm năm mươi) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông L cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Đầu tư thương mại và dịch vụ T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 4.123.769 (Bốn triệu một trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi chín) đồng:

- Ông L chịu 2.061.885 (Hai triệu không trăm sáu mươi một nghìn tám trăm tám mươi lăm) đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.550.000 (Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0022231 ngày 19/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông L được hoàn trả 488.115 (Bốn trăm tám mươi tám nghìn một trăm mười lăm) đồng.

- Công ty TNHH Đầu tư thương mại và dịch vụ T chịu 2.061.885 (Hai triệu không trăm sáu mươi một nghìn tám trăm tám mươi lăm) đồng.

[3.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH Đầu tư thương mại và dịch vụ T không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại cho Công ty TNHH Đầu tư thương mại và dịch vụ T đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0023325 ngày 02/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- TAND Quận Thủ Đức;
- Chi Cục THADS Q. Thủ Đức;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lưu Thị Đoan Trang**